

THÔNG TƯ

Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương.

Chương I

Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện và đánh giá chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng

giao nhiệm vụ, quản lý, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

2. Quy định việc phân cấp Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 267/2025/NĐ-CP) và Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo (sau đây viết tắt là Nghị định số 268/2025/NĐ-CP).

3. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo liên quan đến bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của Thông tư này và quy định về bảo vệ bí mật nhà nước. Trường hợp quy định về bảo vệ bí mật nhà nước khác với quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Chương II

Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Điều 3. Thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Sau khi được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng để tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo định kỳ hoặc đột xuất trên cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Kế hoạch tài trợ, đặt hàng để tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thông báo trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương, trang thông tin điện tử của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công và các trang thông tin điện tử khác (nếu có).

Nội dung thông báo tài trợ, đặt hàng thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP (bao gồm cả kết quả đàm phán với đối tác nước ngoài, nếu có).

Điều 4. Hồ sơ xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp căn cứ Thông báo quy định tại Điều 3 Thông tư này nộp 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.

Thành phần Hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Các biểu mẫu quy định trong thành phần Hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện theo Biểu mẫu BM-09 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN);

b) Thuyết minh nhiệm vụ thực hiện theo Biểu mẫu BM-10 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN;

c) Thuyết minh chuỗi nhiệm vụ thực hiện theo Biểu mẫu BM-11 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN;

d) Văn bản cam kết phối hợp/đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo Biểu mẫu BM-12 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN;

đ) Các tài liệu khác (nếu có).

3. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công tiếp nhận hồ sơ, rà soát tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Thành lập Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công quyết định thành lập Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ để xem xét, đánh giá hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới

sáng tạo.

2. Số lượng và thành phần Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng

a) Thành phần Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ 07 - 09 thành viên (gọi là các thành viên của Hội đồng), bao gồm: 01 Chủ tịch hội đồng, 01 Phó Chủ tịch hội đồng, 02 chuyên gia phản biện, 03 - 05 thành viên hội đồng (trong đó có 01 thư ký khoa học là công chức của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công).

b) Các thành viên của Hội đồng đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP. Nhiệm vụ, trách nhiệm và yêu cầu của các thành viên hội đồng được quy định tại điểm c, điểm d Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Trường hợp Hội đồng hoạt động theo nhiệm kỳ, thành phần hội đồng không bao gồm chuyên gia phản biện. Chuyên gia phản biện của hội đồng theo nhiệm kỳ do hội đồng giới thiệu.

3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng

a) Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tổ chức họp khi có sự tham gia của ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch, 02 chuyên gia phản biện và thư ký khoa học.

b) Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp của Hội đồng, trường hợp Chủ tịch hội đồng vắng mặt, Phó chủ tịch hội đồng là người chủ trì phiên họp.

c) Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

4. Số lượng, thành phần và nhiệm vụ của Tổ thẩm định kinh phí

a) Thành phần Tổ thẩm định kinh phí có 05 thành viên, gồm: 01 Tổ trưởng; 04 thành viên có chuyên môn phù hợp với nội dung cần thẩm định (trong đó có 01 thành viên là Chủ tịch/Phó Chủ tịch/Phản biện của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; 01 thư ký Tổ thẩm định là công chức của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công).

b) Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm b, Khoản 7 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Trình tự làm việc của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tài liệu họp Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công có trách nhiệm gửi đến thành viên Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tài liệu phục vụ phiên họp của hội đồng tối thiểu 07 ngày làm

việc trước khi họp. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- a) Quyết định thành lập Hội đồng;
- b) Bản sao các hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;
- c) Phiếu nhận xét hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trình tự làm việc của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Thư ký khoa học công bố quyết định thành lập Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự;

b) Đại diện Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công tóm tắt các yêu cầu đối với Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Tùy theo từng nhiệm vụ, Chủ tịch Hội đồng thống nhất và thông qua nội dung làm việc của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo các quy định tại điểm c, điểm d Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

d) Chuyên gia phản biện trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá đối với hồ sơ đăng ký được phân công phản biện;

đ) Thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng xem xét, tham khảo;

e) Các thành viên của Hội đồng trình bày ý kiến nhận xét, thảo luận, phân tích đối với hồ sơ đăng ký;

g) Các thành viên của Hội đồng bỏ phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký theo hình thức bỏ phiếu kín. Mẫu phiếu đánh giá thực hiện theo Biểu mẫu BM-02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

h) Thư ký khoa học tổng hợp kết quả kiểm phiếu và công bố kết quả. Trường hợp nội dung của nhiệm vụ có từ hai phần ba (2/3) tổng số phiếu phát ra hợp lệ biểu quyết “Đề nghị tài trợ/đặt hàng” trở lên thì nội dung đó được đề xuất tài trợ, đặt hàng;

i) Biên bản họp đánh giá của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Xử lý hồ sơ sau khi có kết quả làm việc của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Sau khi có kết quả làm việc của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công phối hợp với tổ chức đề xuất hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại điểm e Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ thực hiện theo Biểu mẫu BM-13 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

Điều 7. Trình tự làm việc của Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ

1. Hồ sơ hợp Tổ thẩm định kinh phí

Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công có trách nhiệm gửi hồ sơ đến thành viên Tổ thẩm định kinh phí tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi họp. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- a) Quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí;
- b) Bản sao các hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;
- c) Biên bản họp đánh giá của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- d) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

2. Trình tự làm việc của Tổ thẩm định kinh phí

- a) Thư ký công bố quyết định thành lập, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự;
- b) Xem xét trên cơ sở Biên bản họp đánh giá của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có) và Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của tổ chức chủ trì nhiệm vụ;
- c) Tổ trưởng Tổ thẩm định kinh phí thống nhất và thông qua nội dung làm việc của Tổ thẩm định kinh phí theo quy định tại điểm b Khoản 7, Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;
- d) Biên bản họp của Tổ thẩm định kinh phí thực hiện theo Biểu mẫu BM-04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Xử lý hồ sơ sau khi có kết quả làm việc của Tổ thẩm định kinh phí

Tổ chức đề xuất có trách nhiệm hoàn thiện dự toán kinh phí và gửi về Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công theo quy định tại điểm c Khoản 7, Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Các biểu mẫu hồ sơ:

- a) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ

thực hiện theo Biểu mẫu BM-14 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN;

b) Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-15 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

Điều 8. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Sau khi được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Quyết định phê duyệt nhiệm vụ thực hiện theo Biểu mẫu BM-17 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-16 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

3. Việc hủy kết quả xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ (nếu có) được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Ký Hợp đồng giao nhiệm vụ

1. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công ký Hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với tổ chức chủ trì theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện theo Biểu mẫu BM-18 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

Điều 10. Đánh giá trong kỳ, cấp tiếp kinh phí, điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ, chấm dứt thực hiện nhiệm vụ

1. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công đánh giá trong kỳ theo quy định từ khoản 1 đến khoản 4 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Tổ chức chủ trì báo cáo tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ thực hiện theo Biểu mẫu BM-19 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công xem xét việc thành lập đoàn đánh giá trực tiếp tiến hành đánh giá. Biên bản đánh giá thực hiện theo Biểu mẫu BM-20 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

2. Việc cấp tiếp kinh phí cho tổ chức chủ trì được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Việc điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Tổ chức chủ trì gửi văn bản đề xuất điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ

thực hiện theo Biểu mẫu BM-21 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN và hồ sơ liên quan (nếu có) đến Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.

Sau khi được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công phê duyệt nội dung điều chỉnh thực hiện theo Biểu mẫu BM-22 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

4. Việc chấm dứt nhiệm vụ trong quá trình triển khai được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Tổ chức chủ trì gửi văn bản đề xuất chấm dứt thực hiện nhiệm vụ trong quá trình triển khai thực hiện theo Biểu mẫu BM-24 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN và hồ sơ liên quan (nếu có) đến Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công.

Sau khi được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công ban hành Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ được lập thực hiện theo Biểu mẫu BM-25 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

Điều 11. Đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thực hiện đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua Tổ chuyên gia hoặc chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức tư vấn độc lập và gửi văn bản thông báo kết quả đánh giá, báo cáo đánh giá cho tổ chức thực hiện nhiệm vụ đúng thời hạn theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Thành lập Tổ chuyên gia (trong trường hợp thành lập Tổ chuyên gia)

Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công quyết định thành lập Tổ chuyên gia để đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Thành phần Tổ chuyên gia 07 - 09 thành viên, gồm: Tổ trưởng, Tổ phó, 04 - 06 chuyên gia tư vấn độc lập (trong đó có 02 chuyên gia phản biện), 01 thư ký khoa học là công chức của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công).

Tiêu chí đối với cá nhân tham gia thực hiện đánh giá theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP. Nhiệm vụ và trách nhiệm của cá nhân tham gia thực hiện đánh giá quy định tại điểm c Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Phiên họp của Tổ chuyên gia phải có sự tham gia của ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó phải có Tổ trưởng hoặc Tổ phó, 02 chuyên gia phản biện và thư ký

khoa học.

Tổ trưởng chủ trì phiên họp của Tổ chuyên gia, trường hợp Tổ trưởng vắng mặt, Tổ phó là người chủ trì phiên họp. Tổ chuyên gia tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Trình tự làm việc của Tổ chuyên gia

a) Thư ký khoa học công bố quyết định thành lập Tổ chuyên gia, giới thiệu thành phần và các đại biểu tham dự;

b) Đại diện Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công tóm tắt các yêu cầu đối với Tổ chuyên gia;

c) Tùy theo từng nhiệm vụ, Tổ trưởng thống nhất và thông qua nội dung làm việc của Tổ chuyên gia theo các quy định tại điểm c, điểm d Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

d) Các thành viên Tổ chuyên gia trình bày ý kiến nhận xét, thảo luận, phân tích đối với hồ sơ;

đ) Thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để Tổ chuyên gia xem xét, tham khảo;

e) Thành viên Tổ chuyên gia bỏ phiếu đánh giá hồ sơ theo hình thức bỏ phiếu kín. Mẫu phiếu đánh giá thực hiện theo Biểu mẫu BM-05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Thư ký khoa học tổng hợp kết quả kiểm phiếu và công bố kết quả. Trường hợp nội dung của nhiệm vụ có từ hai phần ba (2/3) tổng số phiếu biểu quyết “Hoàn thành mục tiêu, kết quả đầu ra so với hợp đồng giao nhiệm vụ”, “Tương xứng giữa kết quả đạt được với nguồn lực ngân sách đã sử dụng, số lượng sản phẩm, giá trị khoa học, giá trị tư vấn chính sách, khả năng ứng dụng thực tiễn và đóng góp cho đổi mới sáng tạo” trở lên thì được Tổ chuyên gia kết luận nhiệm vụ hoàn thành và kiến nghị Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công ban hành Quyết định chấm dứt thực hiện và thanh lý Hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

h) Báo cáo đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ của Tổ chuyên gia thực hiện theo Biểu mẫu BM-23 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCHN.

Điều 12. Quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ và Thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ

1. Việc chấm dứt thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ

a) Việc thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

b) Biên bản thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện theo Biểu mẫu BM-26 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

Điều 13. Đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo

1. Nội dung và tiêu chí đánh giá

Quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

2. Phương thức đánh giá

a) Việc đánh giá nhiệm vụ được thực hiện theo phương thức trực tiếp, phương thức trực tuyến hoặc kết hợp hai phương thức trên;

b) Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thành lập đoàn đánh giá (trong trường hợp thành lập Đoàn đánh giá) gồm đại diện các cơ quan có liên quan đến nội dung triển khai nhiệm vụ, chuyên gia tư vấn độc lập để tiến hành đánh giá. Trong trường hợp cần thiết, Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công có thể thuê tổ chức tư vấn độc lập hoặc chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá nhiệm vụ.

3. Trình tự làm việc của Đoàn đánh giá

a) Tiếp nhận, nghiên cứu hồ sơ, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, bao gồm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và báo cáo tự đánh giá tác động của cơ quan chủ trì nhiệm vụ;

b) Xây dựng kế hoạch đánh giá, xác định nội dung, phương pháp và tiêu chí đánh giá tác động; tổ chức đánh giá thông qua hình thức làm việc trực tiếp hoặc trực tuyến với cơ quan chủ trì nhiệm vụ, các đơn vị có liên quan và khảo sát thực tế khi cần thiết;

c) Tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá, xác định mức độ tác động của kết quả nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, hiệu quả kinh tế – xã hội, khả năng ứng dụng và lan tỏa; lập báo cáo đánh giá tác động, kiến nghị, đề xuất giải pháp và báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương theo quy định.

Chương III

Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Điều 14. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm: Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ; Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia; Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt; Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới

sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược.

2. Việc xây dựng, ban hành, quản lý, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ thực hiện theo quy định tại Khoản 1, điểm a, điểm c Khoản 2, Khoản 5 Điều 21 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Việc xây dựng, quản lý, triển khai, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt, Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược thực hiện theo quy định tại Điều 25, Điều 26, Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 15. Các biểu mẫu, tài liệu quy định trong thành phần hồ sơ đăng ký Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Dự thảo Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-01 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

2. Thuyết minh Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-02 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

3. Tài liệu khác (nếu có).

Điều 16. Triển khai thực hiện Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Việc xét tài trợ, đặt hàng; Phê duyệt nhiệm vụ và ký Hợp đồng; Đánh giá, điều chỉnh, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 của Thông tư này.

Chương IV

Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược

Điều 17. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược

Việc xây dựng, quản lý, triển khai, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt, Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển công nghệ chiến lược thực hiện theo quy định tại Điều 25, Điều 26, Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Điều 18. Các biểu mẫu, tài liệu quy định trong thành phần hồ sơ đăng ký nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược

1. Dự thảo nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; dự

thảo nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược thực hiện theo Biểu mẫu BM-05 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

2. Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược thực hiện theo Biểu mẫu BM-06 quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN.

3. Tài liệu khác (nếu có).

Điều 19. Triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược

Xét tài trợ, đặt hàng; Phê duyệt nhiệm vụ và ký Hợp đồng; Đánh giá, điều chỉnh, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược được thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 của Thông tư này.

Chương V

Tổ chức thực hiện

Điều 20. Phân cấp cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo

1. Bộ Công Thương phân cấp Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thực hiện chức năng:

a) Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của Nghị định số 267/2025/NĐ-CP;

b) Cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công

a) Thực hiện chức năng là cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo phân cấp của Bộ Công Thương, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thống nhất quản lý các Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo các cấp thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong phạm vi được phân cấp; chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Công Thương và trước pháp luật về kết quả thực hiện các nội dung được phân cấp.

c) Chủ trì hướng dẫn và phối hợp với các đơn vị trong việc xây dựng các Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tuân thủ đúng quy định; đánh giá sự phù hợp của Chương trình với chiến lược, quy hoạch, chính sách

phát triển ngành và khả năng cân đối nguồn lực trước khi trình cấp có thẩm quyền.

d) Chủ trì tổ chức thẩm định nội dung và hồ sơ các Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.

đ) Chủ trì tổ chức thông báo kế hoạch đặt hàng, xét tài trợ, thẩm định, tuyển chọn hoặc giao trực tiếp các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để triển khai thực hiện Chương trình theo quy định; theo dõi, kiểm tra, tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

e) Chủ trì hướng dẫn, quản lý và tổ chức cập nhật, tích hợp dữ liệu về Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương lên Nền tảng số quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện, bảo đảm tính đầy đủ, kịp thời, chính xác và thống nhất của dữ liệu; thực hiện các quy định về công bố thông tin kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo đúng quy định hiện hành.

g) Hướng dẫn việc tạm ứng, thanh toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giao qua Cục; tổ chức quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau khi được đánh giá, nghiệm thu hoặc chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện) với tổ chức chủ trì theo quy định và tổng hợp vào báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm của đơn vị.

h) Xây dựng Quy chế triển khai thực hiện một số nội dung của Thông tư quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương.

Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Công Thương

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công trong công tác xây dựng, quản lý các Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, dự toán ngân sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng năm.

2. Tham gia đề xuất các Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ sự phát triển của ngành Công Thương.

3. Phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công và các đơn vị có liên quan trong việc tuân thủ các quy định về hồ sơ, thủ tục, quy trình đề xuất, phê duyệt Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công trong việc cung cấp, cập nhật và rà soát thông tin, dữ liệu liên quan đến Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do đơn vị được giao đề

xuất lên Nền tảng số quốc gia; chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu và việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quy chế triển khai thực hiện một số nội dung của Thông tư Quy định quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Công Thương.

Điều 22. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và lãnh đạo Bộ Công Thương về tính hợp lý, hợp pháp về kết quả thực hiện và sử dụng kinh phí của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Phối hợp với Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công thẩm định thuyết minh tổng thể nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trực tiếp quản lý việc triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm: giao nhiệm vụ, ký hợp đồng với các tổ chức hoặc cá nhân phối hợp; thực hiện việc mua sắm, sửa chữa, thuê máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, hóa chất, dụng cụ của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật có liên quan; giám sát tiến độ và kiểm tra quá trình triển khai, thực hiện đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ tại cấp cơ sở theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin và cập nhật dữ liệu về nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên Nền tảng số quốc gia và các hệ thống thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ.

4. Được hưởng quyền và lợi ích hợp pháp đối với kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và các quy định có liên quan; được sử dụng kinh phí quản lý nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

5. Kịp thời đề xuất với Bộ Công Thương việc điều chỉnh nhiệm vụ trong quá trình thực hiện khi có căn cứ và theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sau khi nhiệm vụ được nghiệm thu hoặc chấm dứt hợp đồng theo quy định; lưu trữ hồ sơ, tài liệu của nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

7. Ngoài các trách nhiệm quy định tại các khoản trên, tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Luật và văn bản pháp luật có liên quan đến trách nhiệm của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

Điều 23. Trách nhiệm của cá nhân chủ nhiệm

1. Sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và theo hợp đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã ký kết.

2. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về nội dung, tiến độ thực hiện, sản phẩm của nhiệm vụ; tình hình quản lý, sử dụng kinh phí và quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật và hợp đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã ký kết; cung cấp đầy đủ, kịp thời hồ sơ, tài liệu, số liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của các báo cáo và thông tin cung cấp.

3. Khi cần thiết, đề xuất thay đổi nội dung thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với tổ chức chủ trì, Bộ Công Thương và đảm bảo việc triển khai tuân thủ đúng quy định hiện hành.

4. Phối hợp với các đơn vị, cá nhân có đủ điều kiện tham gia thực hiện nhiệm vụ theo quy định hiện hành; được hưởng quyền và lợi ích hợp pháp đối với kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do mình trực tiếp tạo ra theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và các quy định có liên quan; được hưởng chế độ, chính sách đối với chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

5. Bàn giao nhiệm vụ chủ trì cho tổ chức chủ trì khi không tiếp tục đảm nhiệm nhiệm vụ do nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc vì lý do khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

6. Thực hiện việc đăng ký, lưu giữ, công bố thông tin và sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ của thông tin, dữ liệu cung cấp.

7. Ngoài các trách nhiệm quy định tại các khoản trên, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Luật và văn bản pháp luật có liên quan đến trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Điều 24. Hiệu lực thi hành, điều khoản chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 11 tháng 5 năm 2026.

2. Các nội dung khác thực hiện Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Nghị định số 267/2025/NĐ-CP liên quan đến nội dung quy định về trình tự, thủ tục đối với việc xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện và đánh giá chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng giao nhiệm vụ, quản lý, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương chưa được quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

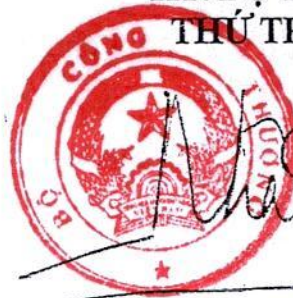
3. Đối với đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã nộp cho Bộ Công Thương nhưng đến ngày 01 tháng 10 năm 2025 chưa được Bộ Công Thương phê duyệt giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thì trình tự, thủ tục xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Luật Khoa học và Công nghệ, hệ thống văn bản dưới Luật và Quyết định số 1501/QĐ-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp bộ của Bộ Công Thương (sau đây viết tắt là Quyết định số 1501/QĐ-BCT).

4. Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được Bộ Công Thương phê duyệt giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ trước ngày 01 tháng 10 năm 2025 thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Luật Khoa học và Công nghệ, hệ thống văn bản dưới Luật và Quyết định số 1501/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Lưu: VT, ĐCK.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân

Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BCT ngày 11 tháng 5 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

- 1 Biểu mẫu **BM-01**: Phiếu nhận xét hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng
- 2 Biểu mẫu **BM-02**: Phiếu đánh giá của thành viên Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng
- 3 Biểu mẫu **BM-03**: Biên bản họp của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng
- 4 Biểu mẫu **BM-04**: Biên bản họp của Tổ thẩm kinh phí
- 5 Biểu mẫu **BM-05**: Phiếu đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của Tổ chuyên gia

**HỘI ĐỒNG XÉT TÀI TRỢ,
ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU NHẬN XÉT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TÀI TRỢ, ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

Chuyên gia phản biện	
Thành viên hội đồng	

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:

2. Tên nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ

3. Tổ chức chủ trì và cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ:

- Tổ chức chủ trì:

- Họ và tên cá nhân:

4. Đề xuất của Tổ chức:

Tài trợ:

Đặt hàng:

I. NỘI DUNG NHẬN XÉT

1. Nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có yêu cầu về vốn đối ứng cần phải có tài liệu thể hiện phương án huy động vốn đối ứng: Nhận xét các nội dung tại mục I, II

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Nhận xét các nội dung tại mục I, II, III.

3. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước đề xuất khoán đến sản phẩm cuối cùng: Nhận xét các nội dung tại mục I, II, III, IV.

4. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế: Nhận xét các nội dung tại mục I, II, III, V.

5. Chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Nhận xét các nội dung tại mục I, II, III, VI.

6. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hình thức liên kết: Nhận xét các nội dung tại mục I, II, III, VII.

7. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hình thức hợp tác công tư: Nhận xét các nội dung tại mục I, II, III, VIII.

8. Nhiệm vụ giải mã công nghệ, nhiệm vụ mua bí quyết công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước: Nhận xét các nội dung tại mục I, II, IX.

9. Đề xuất tài trợ phục vụ lĩnh vực quốc phòng, an ninh mà tổ chức đề xuất tài trợ không phải là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an: Nhận xét các nội dung tại mục I, II, III, X và các mục tương ứng.

TT	Nội dung nhận xét	Ý kiến nhận xét của thành viên Hội đồng
I	Nội dung chung	
1	Tên nhiệm vụ	
2	Luận giải tính cấp thiết	
3	Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể	
4	Nội dung, phương pháp thực hiện	
5	Kết quả dự kiến	
6	Thời gian, tiến độ thực hiện	
7	Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức chủ trì, trong đó gồm có nguồn nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ	
8	Dự toán kinh phí đề xuất khoán đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán từng phần	
9	Xác định các loại rủi ro có thể phát sinh và đề xuất biện pháp quản lý, kiểm soát	
10	Phương án phối hợp, hợp tác quốc tế, thuê chuyên gia	
11	Dự kiến hiệu quả đầu ra, tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 19 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;	
12	Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức chủ trì quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP	
II	Nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có yêu cầu về vốn đối ứng cần phải có tài liệu thể hiện phương án huy động vốn đối ứng	
1	Tài liệu chứng minh nguồn vốn và cam kết sử dụng nguồn vốn vào đối ứng thực	

	hiện nhiệm vụ (Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có)		
2	Văn bản cam kết và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ và văn bản thỏa thuận giữa các bên về phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả (Đối với trường hợp huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân khác)		
3	Văn bản cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ (Đối với trường hợp vay vốn tổ chức tín dụng)		
III	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
1	Nội dung, phương pháp thực hiện bao gồm hiện trạng trong nước và thế giới trước khi nghiên cứu; kết quả dự kiến bao gồm kết quả trung gian và kết quả cuối cùng; mối liên hệ giữa mục tiêu cụ thể, nội dung, kết quả trung gian, kết quả cuối cùng		
IV	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước đề xuất khoán đến sản phẩm cuối cùng		
1	Minh chứng của tổ chức đề xuất về việc chủ trì ít nhất 03 nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc thuộc chương trình khoa học và công nghệ quốc gia đã kết thúc trong 05 năm gần nhất và đạt được các kết quả, mục tiêu đề ra hoặc được đánh giá từ đạt trở lên		
V	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế		
1	Văn bản thỏa thuận hợp tác giữa tổ chức chủ trì và đối tác nước ngoài, trong đó nêu rõ nội dung, kế hoạch triển khai, nguyên tắc chia sẻ kết quả nghiên cứu, nguồn lực đóng góp của hai bên (tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất); cam kết cấp kinh phí của đối tác nước ngoài (nếu có)		
	Giá trị hợp tác quốc tế		

VI	Chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	
1	Thuyết minh tổng quát không quá 10 trang gồm các nội dung chủ yếu sau: tên, mục tiêu, nhiệm vụ thành phần, dự kiến Kết quả thực hiện và nêu rõ mối liên kết giữa các nhiệm vụ nhằm hoàn thành mục tiêu chung của chuỗi.	
VII	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hình thức liên kết	
1	Hợp đồng tài trợ, minh chứng tài chính đã được tổ chức tài trợ để thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trước đó	
VIII	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hình thức hợp tác công tư	
1	Văn bản cam kết đồng tài trợ của các tổ chức tham gia, trong đó quy định rõ mức đóng góp, tài liệu chứng minh năng lực tài chính và kỹ thuật của các bên đồng tài trợ, phương án phân chia quyền lợi, trách nhiệm và cơ chế giải quyết tranh chấp (nếu có), phương án khai thác, thương mại hóa và phân chia lợi ích từ kết quả nghiên cứu	
IX	Nhiệm vụ giải mã công nghệ, nhiệm vụ mua bí quyết công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	
1	Báo cáo và tài liệu chứng minh công nghệ, sản phẩm công nghệ, thiết bị chưa có tại Việt Nam hoặc chưa được làm chủ thiết bị hoặc bí quyết tương đương trong nước	
2	Báo cáo phân tích giá trị, tiềm năng ứng dụng và khả năng thương mại hóa sau khi giải mã công nghệ hoặc tiếp nhận bí quyết công nghệ, sản phẩm công nghệ, thiết bị	
3	Văn bản cam kết tiếp nhận, quản lý, khai thác và chuyển giao kết quả sau khi hoàn thành nhiệm vụ	
4	Phương án chỉ định chuyên gia, trong đó nêu rõ phạm vi công việc, trách nhiệm và cam kết bảo mật đối với kết quả; mức chi	

	trả cho chuyên gia theo thỏa thuận bảo đảm phù hợp với quy định (nếu có)		
5	Phương án mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm công nghệ, thiết bị nước ngoài, bí quyết công nghệ với giá thỏa thuận đảm bảo phù hợp với quy định		
6	Khả năng ứng dụng trực tiếp để tạo ra sản phẩm, dịch vụ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh hoặc đáp ứng nhu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội.		
X	Đề xuất tài trợ phục vụ lĩnh vực quốc phòng, an ninh mà tổ chức đề xuất tài trợ không phải là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an		
1	Văn bản cam kết về việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng kết quả từ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an		

II. KẾT LUẬN

1. Đề nghị/không đề nghị tài trợ/đặt hàng cho nhiệm vụ

.....

.....

.....

2. Lý do có/không đề nghị tài trợ/đặt hàng

.....

.....

.....

3. Các yêu cầu chỉnh sửa (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày tháng năm 20...
(Thành viên Hội đồng ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG XÉT TÀI TRỢ,
ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TÀI TRỢ, ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:
2. Tên nhiệm vụ:

3. Tổ chức chủ trì và cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ

- Tổ chức chủ trì:
- Họ và tên cá nhân:

4. Đề xuất của Tổ chức:

Tài trợ: ☐

Đặt hàng: ☐

I. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có yêu cầu về vốn đối ứng cần phải có tài liệu thể hiện phương án huy động vốn đối ứng: Đánh giá các nội dung tại mục I, II.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo: Đánh giá các nội dung tại mục I, II, III.

3. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước đề xuất khoán đến sản phẩm cuối cùng: Đánh giá các nội dung tại mục I, II, III, IV.

4. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế: Đánh giá các nội dung tại mục I, II, III, V.

5. Chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Đánh giá các nội dung tại mục I, II, III, VI.

6. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hình thức liên kết: Đánh giá các nội dung tại mục I, II, III, VII.

7. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hình thức hợp tác công tư: Đánh giá các nội dung tại mục I, II, III, VIII.

8. Nhiệm vụ giải mã công nghệ, nhiệm vụ mua bí quyết công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước: Đánh giá các nội dung tại mục I, II, IX.

9. Đề xuất tài trợ phục vụ lĩnh vực quốc phòng, an ninh mà tổ chức đề xuất tài trợ không phải là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an: Đánh giá các nội dung tại mục I, II, III, X và các mục tương ứng.

TT	Nội dung đánh giá	Phù hợp	Không phù hợp	Lý do
I	Nội dung chung			
1	Tên nhiệm vụ			
2	Luận giải tính cấp thiết			
3	Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể			
4	Nội dung, phương pháp thực hiện			
5	Kết quả dự kiến			
6	Thời gian, tiến độ thực hiện			
7	Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức chủ trì, trong đó gồm có nguồn nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ			
8	Dự toán kinh phí đề xuất khoán đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán từng phần			
9	Xác định các loại rủi ro có thể phát sinh và đề xuất biện pháp quản lý, kiểm soát			
10	Phương án phối hợp, hợp tác quốc tế, thuê chuyên gia			
11	Dự kiến hiệu quả đầu ra, tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 19 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;			
12	Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức chủ trì			
II	Nhiệm vụ, cụm nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có yêu cầu về vốn đối ứng cần phải có tài liệu			

TT	Nội dung đánh giá	Phù hợp	Không phù hợp	Lý do
	thể hiện phương án huy động vốn đối ứng			
1	Tài liệu chứng minh nguồn vốn và cam kết sử dụng nguồn vốn vào đối ứng thực hiện nhiệm vụ (Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có)			
2	Văn bản cam kết và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ và văn bản thỏa thuận giữa các bên về phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả (Đối với trường hợp huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân khác)			
3	Văn bản cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ (Đối với trường hợp vay vốn tổ chức tín dụng)			
III	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
1	Nội dung, phương pháp thực hiện bao gồm hiện trạng trong nước và thế giới trước khi nghiên cứu; kết quả dự kiến bao gồm kết quả trung gian và kết quả cuối cùng; mối liên hệ giữa mục tiêu cụ thể, nội dung, kết quả trung gian, kết quả cuối cùng			
IV	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước đề xuất khoán đến sản phẩm cuối cùng			
1	Minh chứng của tổ chức đề xuất về việc chủ trì ít nhất 03 nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc chương trình khoa học, công nghệ			

TT	Nội dung đánh giá	Phù hợp	Không phù hợp	Lý do
	và đổi mới sáng tạo quốc gia hoặc thuộc chương trình khoa học và công nghệ quốc gia đã kết thúc trong 05 năm gần nhất và đạt được các kết quả, mục tiêu đề ra hoặc được đánh giá từ đạt trở lên			
V	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế			
1	Văn bản thỏa thuận hợp tác giữa tổ chức chủ trì và đối tác nước ngoài, trong đó nêu rõ nội dung, kế hoạch triển khai, nguyên tắc chia sẻ kết quả nghiên cứu, nguồn lực đóng góp của hai bên (tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất); cam kết cấp kinh phí của đối tác nước ngoài (nếu có)			
	Giá trị hợp tác quốc tế			
VI	Chuỗi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo			
1	Thuyết minh tổng quát không quá 10 trang gồm các nội dung chủ yếu sau: tên, mục tiêu, nhiệm vụ thành phần, dự kiến Kết quả thực hiện và nêu rõ mối liên kết giữa các nhiệm vụ nhằm hoàn thành mục tiêu chung của chuỗi.			
VII	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hình thức liên kết			
1	Hợp đồng tài trợ, minh chứng tài chính đã được tổ chức tài trợ để thực hiện hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trước đó			

TT	Nội dung đánh giá	Phù hợp	Không phù hợp	Lý do
VIII	Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hình thức hợp tác công tư			
1	Văn bản cam kết đồng tài trợ của các tổ chức tham gia, trong đó quy định rõ mức đóng góp, tài liệu chứng minh năng lực tài chính và kỹ thuật của các bên đồng tài trợ, phương án phân chia quyền lợi, trách nhiệm và cơ chế giải quyết tranh chấp (nếu có), phương án khai thác, thương mại hóa và phân chia lợi ích từ kết quả nghiên cứu			
IX	Nhiệm vụ giải mã công nghệ, nhiệm vụ mua bí quyết công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước			
1	Báo cáo và tài liệu chứng minh công nghệ, sản phẩm công nghệ, thiết bị chưa có tại Việt Nam hoặc chưa được làm chủ thiết bị hoặc bí quyết tương đương trong nước			
2	Báo cáo phân tích giá trị, tiềm năng ứng dụng và khả năng thương mại hóa sau khi giải mã công nghệ hoặc tiếp nhận bí quyết công nghệ, sản phẩm công nghệ, thiết bị			
3	Văn bản cam kết tiếp nhận, quản lý, khai thác và chuyển giao kết quả sau khi hoàn thành nhiệm vụ			
4	Phương án chỉ định chuyên gia, trong đó nêu rõ phạm vi công việc, trách nhiệm và cam kết bảo mật đối với kết quả; mức chi trả cho chuyên gia theo thỏa thuận bảo đảm phù hợp với quy định (nếu có)			

TT	Nội dung đánh giá	Phù hợp	Không phù hợp	Lý do
5	Phương án mua trực tiếp công nghệ, sản phẩm công nghệ, thiết bị nước ngoài, bí quyết công nghệ với giá thỏa thuận đảm bảo phù hợp với quy định			
6	Khả năng ứng dụng trực tiếp để tạo ra sản phẩm, dịch vụ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh hoặc đáp ứng nhu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội.			
X	Đề xuất tài trợ phục vụ lĩnh vực quốc phòng, an ninh mà tổ chức đề xuất tài trợ không phải là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an			
1	Văn bản cam kết về việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng kết quả từ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an			
	Ý kiến đánh giá tổng hợp			

Kiến nghị của thành viên Hội đồng: (đánh dấu X vào 1 ô lựa chọn)

☐

1. Đề nghị tài trợ/đặt hàng

☐

2. Đề nghị không tài trợ/đặt hàng

II. YÊU CẦU CHỈNH SỬA (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....

....., ngày tháng năm 20...
(Thành viên Hội đồng ký, ghi rõ họ tên)

1/1/2021

**HỘI ĐỒNG XÉT TÀI TRỢ,
ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
XÉT TÀI TRỢ, ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

A. Các thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ.....
.....
.....
2. Tổ chức chủ trì và cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ:
- Tổ chức chủ trì:
- Họ và tên cá nhân:
3. Hội đồng được thành lập theo (Phụ lục số ban hành kèm theo) Quyết định...../.
4. Thời gian và địa điểm họp Hội đồng: giờ phút, ngày/...../20....., tại
.....
5. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:/.....
- Vắng mặt: người, gồm các thành viên:
.....
.....
6. Khách mời tham dự họp Hội đồng:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác

B. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Ông/Bà - thư ký khoa học công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Ông/Bà - (chức vụ), đại diện Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công tóm tắt các yêu cầu đối với Hội đồng.

3. Chủ tịch Hội đồng thống nhất và thông qua phương thức và nội dung làm việc của Hội đồng.

4. Các chuyên gia phản biện trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá đối với hồ sơ đăng ký được phân công phản biện.

5. Các thành viên Hội đồng trình bày ý kiến nhận xét, thảo luận, phân tích đối với hồ sơ đăng ký theo các tiêu chí.

6. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu gồm:

- Trưởng ban:

- Ủy viên 1:

- Ủy viên 2:

7. Thành viên Hội đồng bỏ phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký theo hình thức bỏ phiếu kín.

Kết quả

TT	Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì	Số phiếu phát ra	Số phiếu thu về	Số phiếu hợp lệ	Kết quả	
					Đề nghị tài trợ/đặt hàng	Đề nghị không tài trợ/đặt hàng

8. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Hội đồng kiến nghị tổ chức và cá nhân sau đây được đề nghị tài trợ/đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo:

- Tên tổ chức:

- Họ và tên cá nhân:

9. Hội đồng thảo luận và thống nhất về những nội dung cần chỉnh sửa trong hồ sơ của tổ chức được kiến nghị tài trợ/đặt hàng tại Phụ lục kèm theo biên bản này.

10. Hội đồng thống nhất thông qua Biên bản làm việc.

Thư ký khoa học
(Họ, tên và chữ ký)

Chủ tịch Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

PHỤ LỤC

1. Tên nhiệm vụ:

2. Loại hình và hình thức triển khai

3. Tổ chức chủ trì và cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ

- Tổ chức chủ trì
- Họ và tên cá nhân

4. Mục tiêu

4.1. Mục tiêu chung

4.2. Mục tiêu cụ thể

5. Nội dung (Liệt kê các nội dung, công việc chính của nhiệm vụ)

6. Kết quả dự kiến

6.1. Công bố khoa học

Số TT	Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác	Số lượng	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
1	Trong nước			
...				
2	Quốc tế			
...				

6.2. Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu; cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); quy hoạch; luận chứng kinh tế-kỹ thuật; báo cáo nghiên cứu khả thi; báo cáo tư vấn chính sách và các sản phẩm khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
...			

6.3. Mẫu (model, maket); sản phẩm (là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường); vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng, vật nuôi và các loại khác

Số TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (Theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
...						

6.4. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và các loại hình khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1			
...			

6.5. Kết quả tham gia đào tạo sau đại học (nếu có)

TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
...				

7. Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu (Phương thức, địa chỉ ứng dụng, chuyển giao kết quả nhiệm vụ; khả năng thị trường; phương án thương mại hóa; phân chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nhiệm vụ (nếu có))

8. Dự kiến hiệu quả và tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ

8.1. Đánh giá về dự kiến hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ¹:

8.2. Đánh giá về dự kiến tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ²:.....

7. Nội dung cần chỉnh sửa

.....
.....
.....

8. Các kiến nghị khác

.....
.....
.....

Thư ký khoa học
(Họ, tên và chữ ký)

Chủ tịch Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

¹ Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025

² Đánh giá dựa trên sự phù hợp của kết quả theo nội dung và tiêu chí quy định các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025

**TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

A. Các thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ/cụm nhiệm vụ/chuỗi nhiệm vụ.....
.....
.....

2. Tổ chức chủ trì và cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ:

- Tổ chức chủ trì:

- Họ và tên cá nhân:

3. Tổ thẩm định được thành lập theo (Phụ lục số ban hành kèm theo) Quyết định.....

4. Thời gian và địa điểm họp Tổ thẩm định kinh phí: giờ phút, ngày/...../20....., tại

5. Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên:/.....

- Vắng mặt: người, gồm các thành viên:
.....

6. Khách mời tham dự họp phiên họp:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác

B. Các ý kiến của thành viên tổ thẩm định kinh phí: (thư ký tổ thẩm định kinh phí ghi đầy đủ ý kiến nhận xét của từng thành viên tổ thẩm định)

.....
.....
.....
.....

C. Kết luận và kiến nghị của Tổ thẩm định kinh phí

1. Thời gian thực hiện: tháng (kể từ ngày ký hợp đồng).

2. Tổng kinh phí là: đồng (bằng chữ:)

3. Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:%.

- Ngoài ngân sách nhà nước:%.

4. Kinh phí khoán chi:

5. Phương thức khoán chi: (khoán toàn bộ/khoán từng phần) theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

☐ Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng	☐ Khoán chi từng phần, trong đó:
	- Kinh phí khoán:triệu đồng
	- Kinh phí không khoán:triệu đồng

6. Nội dung được phép khoán chi:

.....
.....
.....

7. Dự toán kinh phí thực hiện

TT	Nội dung các khoản chi ¹	Tổng kinh phí NSNN	Trong đó khoán chi
1	Chi thù lao thực hiện nhiệm vụ		
2	Thuê chuyên gia: - Trong nước - Nước ngoài		
3	Nguyên liệu, nhiên liệu, mẫu vật		
4	Sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản		
5	Công tác tổ chức, tham gia hội nghị		
6	Dịch vụ thuê ngoài		
7	Điều tra, khảo sát thu thập số liệu		
8	Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn		

¹ Nội dung chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ

9	Công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế			
10	Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ			
11	Tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài			
12	Phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ			
13	Công tác quản lý chung nhiệm vụ			
14	Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ			
	Tổng cộng			

8. Quản lý rủi ro và biện pháp kiểm soát

(đối với các loại rủi ro có thể xảy ra theo quy định tại Điều 37 và Điều 38 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025):

9. Các kiến nghị khác (nếu có):

.....
.....

Biên bản được lập xong lúc giờ phút, ngày tháng năm 20..... và đã được Tổ thẩm định kinh phí nhất trí thông qua.

THÀNH VIÊN TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ

Tổ trưởng

(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên

(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên

(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên

(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên

(Họ, tên và chữ ký)

**TỔ CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ
CUỐI KỲ, HIỆU QUẢ ĐẦU RA
NHIỆM VỤ KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI
SÁNG TẠO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ, HIỆU QUẢ ĐẦU RA
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

1. Chuyên gia đánh giá:

- Họ và tên chuyên gia (*học hàm, học vị*):

- Chuyên gia nhận Hồ sơ: ngày tháng năm 20....

2.

Tên

nhiệm

vụ.....
.....
.....
.....

3. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ:

- Tổ chức chủ trì:

- Họ và tên cá nhân:

4. Nội dung nhận xét

4.1. Đánh giá chung

a) Mức độ hoàn thành mục tiêu, nội dung nghiên cứu:

.....

b) Đánh giá về tính mới, sáng tạo, giá trị khoa học:

.....

c) Chất lượng và độ tin cậy của các kết quả, dữ liệu, sản phẩm:

.....

d) So sánh với yêu cầu hợp đồng và thuyết minh ban đầu:

.....

4.2. Về sản phẩm, kết quả đầu ra

Nhóm sản phẩm	Theo hợp đồng	Thực hiện thực tế	Đánh giá của Chuyên gia
Sản phẩm KH,CN&ĐMST (mẫu, quy trình, thiết bị...)	...	...	...

Sản phẩm công bố, sở hữu trí tuệ	...	...	...
Kết quả ứng dụng, thương mại hóa	...	...	...

4.3. Về tổ chức thực hiện và quản lý

(Năng lực, trách nhiệm của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ; việc phối hợp giữa các đơn vị tham gia ...)

.....

4.4. Đánh giá hiệu quả của sản phẩm, kết quả nghiên cứu (Hiệu quả khoa học, hiệu quả kinh tế; hiệu quả xã hội: tác động tới phát triển cộng đồng, chính sách, đào tạo nhân lực; hiệu quả đổi mới sáng tạo; hiệu quả môi trường...)

.....

4.5. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân (Những nội dung chưa hoàn thành hoặc chưa đạt yêu cầu; nguyên nhân chủ quan và khách quan ...)

.....

5. Đánh giá chung

5.1. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ:¹

5.1.1. Mức độ hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra trong hợp đồng giao nhiệm vụ:

.....

5.1.2. Số lượng, chất lượng và mức độ hoàn thiện của các kết quả so với cam kết trong hợp đồng giao nhiệm vụ:

.....

5.1.3. Khả năng ứng dụng, chuyển giao hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất, đời sống hoặc phục vụ công tác quản lý nhà nước:

.....

5.2. Hiệu quả của sản phẩm, kết quả nghiên cứu:²

5.2.1. Mức độ tương xứng giữa kết quả đạt được với nguồn lực ngân sách đã sử dụng:

.....

5.2.2. Số lượng sản phẩm, giá trị khoa học, giá trị tư vấn chính sách:

.....

5.2.3. Khả năng ứng dụng thực tiễn và đóng góp cho đổi mới sáng tạo:

.....

5.3. Nhận xét chung:

¹ Đánh giá theo quy định tại khoản điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

² Đánh giá theo quy định tại khoản điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

5.3.1. Hoàn thành mục tiêu, kết quả đầu ra so với hợp đồng giao nhiệm vụ (Việc đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu có tính đến trường hợp kết quả không thành công nhưng có giá trị học thuật, dữ liệu nền hoặc cơ sở cho nghiên cứu tiếp theo)

Hoàn thành ☐

Không hoàn thành ☐

5.3.2. Mức độ tương xứng giữa kết quả đạt được với nguồn lực ngân sách đã sử dụng, số lượng sản phẩm, giá trị khoa học, giá trị tư vấn chính sách, khả năng ứng dụng thực tiễn và đóng góp cho đổi mới sáng tạo

Tương xứng ☐

Không tương xứng ☐

6. Ý kiến đánh giá khác (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày tháng năm 20...

THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN GIA

(Thành viên Tổ chuyên gia ký, ghi rõ họ tên)

